

Số: 14/2016/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho
Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 87/2008/TT-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ Bảo trợ trẻ em;

Xét Tờ trình 166/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết về hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2016-2020 với những nội dung sau:

1. Mục tiêu: Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh để tổ chức phẫu thuật cho trẻ em khuyết tật, trẻ em bị bệnh hiểm nghèo, đặc biệt là trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh nặng, giúp các em hoà nhập cộng đồng.

2. Đơn vị thực hiện: Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Đắk Lắk (thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trực tiếp quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Đối tượng thụ hưởng: Hỗ trợ để tổ chức phẫu thuật cho ít nhất 600 trẻ em khuyết tật từ 0 tuổi đến 16 tuổi thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- a) Hỗ trợ phẫu thuật cho ít nhất 150 trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh.
- b) Hỗ trợ phẫu thuật cho ít nhất 200 trẻ em bị dị tật vận động.
- c) Hỗ trợ phẫu thuật cho ít nhất 150 trẻ em bị các dị tật về mắt.

d) Hỗ trợ phẫu thuật cho ít nhất 100 trẻ em bị sút môi - hở hàm ếch.

4. Phạm vi thực hiện: 15/15 huyện, thị xã, thành phố.

5. Kinh phí thực hiện là 8.513.900.000 đồng. Trong đó:

- Kinh phí do Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 3.228.900.000 đồng;

- Kinh phí vận động từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân: 5.285.000.000 đồng.

6. Định mức hỗ trợ và thời gian thực hiện:

a) Định mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh theo từng năm:

- Năm 2016 hỗ trợ: 645.780.000 đồng.

- Năm 2017 hỗ trợ: 645.780.000 đồng.

- Năm 2018 hỗ trợ: 645.780.000 đồng.

- Năm 2019 hỗ trợ: 645.780.000 đồng.

- Năm 2020 hỗ trợ: 645.780.000 đồng.

b) Định mức hỗ trợ từ ngân sách cho các hoạt động:

- Định mức hỗ trợ cho từng trường hợp trẻ em:

+ Mức hỗ trợ cho 1 trường hợp phẫu thuật tim: 41.550.000 đồng.

+ Mức hỗ trợ cho 1 trường hợp phẫu thuật dị tật vận động và phục hồi chức năng: 5.950.000 đồng.

+ Mức hỗ trợ cho 1 trường hợp phẫu thuật mắt: 2.950.000 đồng.

+ Mức hỗ trợ cho 1 trường hợp phẫu thuật hàm ếch: 3.450.000 đồng.

- Hoạt động truyền thông, khảo sát, khám sàng lọc: 303.900.000 đồng.

c) Thời gian thực hiện: Từ năm 2016-2020 (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá IX, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ LĐTBXH (Vụ pháp chế);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH, TC, Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Công báo tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P. Ct HĐND. *145*

CHỦ TỊCH



Y Biêr Niê

PHỤ LỤC 2:
KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020
HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ CÁC BỆNH HIỂM NGHÈO

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: VND

STT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Tổng thành tiền (VND)	Ngân sách hỗ trợ (30%)	Nguồn vận động (70%)
1	Hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em đến điểm khám tại tỉnh	Người	200	150.000	30.000.000	9.000.000	21.000.000
2	Hỗ trợ chi phí phẫu thuật (sau khi trừ BHYT, NSNN đối ứng 30%)	Người	200	5.000.000	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
3	Thăm hỏi, hỗ trợ sau phẫu thuật	Người	200	300.000	60.000.000	18.000.000	42.000.000
	Tổng cộng			5.450.000	1.090.000.000	327.000.000	763.000.000

PHỤ LỤC 3:

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020

HỖ TRỢ CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG, KHẢO SÁT, KHÁM SÀNG LỘC

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: VND

STT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng thành tiền	Ngân sách hỗ trợ	Nguồn vốn động
1	Tuyên truyền, truyền thông trên báo đài, tờ rơi, băng rôn, xây dựng phóng sự vận động mỗi	Lượt	20	10.000.000	200.000.000	200.000.000	-
2	Khảo sát lập hồ sơ, hỗ trợ xăng xe công tác viên, xử lý dữ liệu	Trẻ em	1.039	70.000	72.730.000	72.730.000	-
3	Kiểm tra, đánh giá sau phẫu thuật	Trẻ em	1.039	30.000	31.170.000	31.170.000	-
	Tổng cộng				303.900.000	303.900.000	-

PHỤ LỤC 4:

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020

HỖ TRỢ PHẪU THUẬT CHO TRẺ EM BỆNH TIM BẨM SINH CHO TRẺ EM NGHÈO, CẶN NGHÈO

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: VND

STT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng thành tiền	Ngân sách hỗ trợ	Nguồn vận động (70%)
1	Hỗ trợ tiền ăn, đi lại cho trẻ em đến điểm khám tại tỉnh	Trẻ em	150	150.000	22.500.000	22.500.000	-
	Hỗ trợ đi lại cho trẻ em đi phẫu thuật ngoài tỉnh	Trẻ em	150	500.000	75.000.000	75.000.000	-
2	Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nằm viện PT (50.000đ/ngày, không quá 15 ngày theo QĐ 55a/2013/QĐ-TTg)	Trẻ em	150	600.000	90.000.000	90.000.000	-
3	Hỗ trợ chi phí phẫu thuật (sau khi trừ BHYT, NSNN đối ứng 30%)	Trẻ em	150	40.000.000	6.000.000.000	1.800.000.000	4.200.000.000
4	Thăm hỏi, hỗ trợ sau phẫu thuật	Trẻ em	150	300.000	45.000.000	45.000.000	-
	Tổng cộng			41.550.000	6.232.500.000	2.032.500.000	4.200.000.000

PHỤ LỤC 5:

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020

HỖ TRỢ PHẪU THUẬT VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG CHO TRẺ EM NGHÈO, CẬN NGHÈO

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng thành tiền	Ngân sách hỗ trợ	Nguồn vận động (70%)
1	Hỗ trợ tiền ăn, đi lại cho trẻ em đến điểm khám tại tỉnh	Trẻ em	200	150.000	30.000.000	30.000.000	-
2	Hỗ trợ tiền xe đi lại cho trẻ em đi phẫu thuật ngoài tỉnh	Trẻ em	200	500.000	100.000.000	100.000.000	-
3	Hỗ trợ chi phí phẫu thuật (sau khi trừ BHYT, NSNN đối ứng 30%)	Trẻ em	200	5.000.000	1.000.000.000	300.000.000	700.000.000
4	Thăm hỏi, hỗ trợ sau phẫu thuật	Trẻ em	200	300.000	60.000.000	60.000.000	-
	Tổng cộng			5.950.000	1.190.000.000	490.000.000	700.000.000

PHỤ LỤC 6:
KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020
HỖ TRỢ PHẪU THUẬT MẮT CHO TRẺ EM NGHÈO, CẠN NGHỀ
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: VND

STT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng thành tiền	Ngân sách hỗ trợ	Nguồn vận động (70%)
1	Hỗ trợ tiền ăn, đi lại cho trẻ em đến điểm khám tại tỉnh	Trẻ em	150	150.000	22.500.000	22.500.000	-
2	Hỗ trợ tiền đi lại cho trẻ em đi phẫu thuật ngoài tỉnh	Trẻ em	150	500.000	75.000.000	75.000.000	-
3	Hỗ trợ chi phí phẫu thuật (sau khi trừ BHYT, NS tỉnh đối ứng 30%)	Trẻ em	150	2.000.000	300.000.000	90.000.000	210.000.000
4	Thăm hỏi, hỗ trợ sau phẫu thuật	Trẻ em	150	300.000	45.000.000	45.000.000	-
	Tổng cộng			2.950.000	442.500.000	232.500.000	210.000.000



PHỤ LỤC 7:

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020

HỖ TRỢ PHẪU THUẬT SỨC MÔI - HỖ HÀM ÉCH CHO TRẺ EM NGHÈO, CẬN NGHÈO

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: VND

STT	Nội dung hoạt động	DVT	Số lượng	Đơn giá	Tổng thành tiền	Ngân sách hỗ trợ	Nguồn vận động (70%)
1	Hỗ trợ tiền ăn, đi lại cho trẻ em đến điểm khám tại tỉnh	Trẻ em	100	150.000	15.000.000	15.000.000	-
2	Hỗ trợ tiền xe đi lại cho trẻ em đi phẫu thuật ngoài tỉnh	Trẻ em	100	500.000	50.000.000	50.000.000	-
3	Hỗ trợ chi phí phẫu thuật (sau khi trừ BHYT, NS tính đối ứng 30%)	Trẻ em	100	2.500.000	250.000.000	75.000.000	175.000.000
4	Thăm hỏi, hỗ trợ sau phẫu thuật	Trẻ em	100	300.000	30.000.000	30.000.000	-
	Tổng cộng			3.450.000	345.000.000	170.000.000	175.000.000